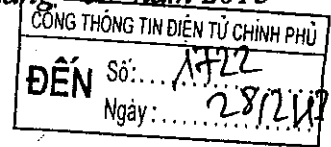
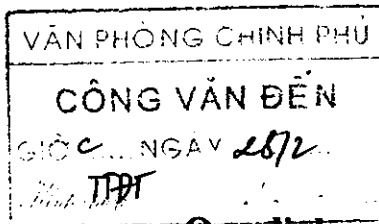


Số: 20/2013/TTLT-BTC-BYT

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2013

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH****Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2012-2015**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 52/2009/QĐ-TTg ngày 09/4/2009 phê duyệt Đề án Kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển giai đoạn 2009-2020; số 2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và số 1199/QĐ-TTg ngày 31/8/2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2012-2015;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành thông tư liên tịch quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2012- 2015.

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi áp dụng:**

a) Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình giai đoạn 2012 - 2015 (sau đây gọi tắt là Chương trình) quy định tại Quyết định số 1199/QĐ-TTg ngày 31/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây viết tắt là Quyết định số 1199/QĐ-TTg).

b) Thông tư này không áp dụng đối với các nguồn kinh phí sau:

- Nguồn vốn viện trợ không hoàn lại, trừ trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thêm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa đồng thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Thông tư này.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển.

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này là các cơ quan, đơn vị có sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Ngân sách trung ương:

a) Bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương để thực hiện nhiệm vụ do Bộ, cơ quan trung ương trực tiếp thực hiện.

b) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để triển khai các Dự án của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 1199/QĐ-TTg.

2. Ngân sách địa phương:

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bảo đảm nguồn lực từ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1199/QĐ-TTg.

b) Thực hiện lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án hỗ trợ khác có liên quan trên địa bàn, huy động tối đa nguồn lực của địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp để thực hiện các chế độ, chính sách của địa phương nhằm triển khai các hoạt động bền vững và nâng cao hiệu quả của Chương trình.

Điều 3. Nội dung và mức chi chung của Chương trình

1. Chi xây dựng chương trình, giáo trình; viết, biên soạn và dịch tài liệu tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về dân số và kế hoạch hóa gia đình (sau đây viết tắt là DS-KHHGD) phục vụ Chương trình. Nội dung và mức chi cụ thể như sau:

a) Chi viết và biên soạn tài liệu thông thường: 75.000 đồng/trang chuẩn 350 từ.

b) Xây dựng tài liệu, chương trình, giáo trình cho các lớp bồi dưỡng, tập huấn đào tạo: Nội dung và mức chi áp dụng đối với trường hợp xây dựng chương trình môn học, giáo trình cho các ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

c) Dịch tài liệu (bao gồm cả tiếng dân tộc): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 6/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2010/TT-BTC).

2. Chi tập huấn kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cộng tác viên dân số không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, chi đào tạo ngắn hạn, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện dự án, đề án của Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy

định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Thông tư số 97/2010/TT-BTC) và Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

3. Chi hợp tác quốc tế, học tập trao đổi kinh nghiệm quốc tế về công tác DS-KHHGĐ liên quan đến việc triển khai các hoạt động của Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC và Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

4. Chi mua thuốc, phương tiện tránh thai, trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, dụng cụ, trang thiết bị khác (sau đây viết tắt là hàng hóa) dùng cho hoạt động chuyên môn của từng dự án, đề án thuộc Chương trình. Số lượng, định mức hàng hóa bảo đảm phù hợp với yêu cầu chuyên môn kỹ thuật của đơn vị và quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

5. Chi vận chuyển hàng hoá, mẫu bệnh phẩm:

a) Trường hợp vận chuyển bằng các phương tiện, dịch vụ công cộng: Mức chi theo giá cước thực tế.

b) Trường hợp tự túc hoặc thuê phương tiện vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): Mức chi theo hợp đồng trên cơ sở mức giá thuê trung bình thực tế ở địa phương trong phạm vi dự toán được giao hoặc hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng. Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hoá, trang thiết bị trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định nêu trên.

c) Trường hợp vận chuyển tại các địa bàn đi lại khó khăn (vùng núi cao, biên giới, hải đảo): Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức thanh toán phù hợp với tình hình thực tế trong phạm vi dự toán được giao.

6. Chi sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật cho các trung tâm truyền thông, tư vấn và cơ sở dữ liệu DS-KHHGĐ cấp tỉnh, huyện; duy tu, bảo dưỡng, bảo trì định kỳ kho chứa thuốc, phương tiện tránh thai thuộc Chi cục DS-KHHGĐ tuyến tỉnh và Trung tâm DS-KHHGĐ tuyến huyện phục vụ hoạt động chuyên môn của Chương trình.

7. Chi xây dựng cơ sở dữ liệu về DS-KHHGĐ: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHCN-BTTTT ngày 15/02/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

8. Chi xây dựng các mô hình mới về DS-KHHGD do Tổng cục trưởng Tổng cục DS-KHHGD phê duyệt. Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành. Trường hợp mô hình có nội dung chi đặc thù chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định mức chi, Tổng cục trưởng Tổng cục DS-KHHGD vận dụng mức chi hiện hành của các hoạt động tương tự để quyết định mức chi của mô hình trong phạm vi dự toán được giao.

9. Chi các cuộc điều tra theo nội dung chuyên môn của từng dự án, đề án thuộc Chương trình theo quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 10 Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13/02/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê. Trường hợp thực hiện các cuộc Tổng điều tra thống kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 53/2012/TT-BTC ngày 09/4/2012 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí các cuộc Tổng điều tra thống kê do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

10. Chi thuê chuyên gia trong nước: Căn cứ vào mức độ cần thiết triển khai các hoạt động của Chương trình và dự toán ngân sách được giao, Tổng cục trưởng Tổng cục DS-KHHGD quyết định việc thuê chuyên gia trong nước theo hình thức ký "Hợp đồng giao khoán công việc, sản phẩm". Mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số mức chi tiêu áp dụng cho các dự án, chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009.

11. Chi triển khai các hoạt động có tính chất nghiên cứu khoa học gắn với nội dung của Chương trình theo đề cương nghiên cứu được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKH&CN ngày 4/10/2006 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án khoa học và Công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT/BTC-BKH&CN ngày 7/5/2007 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

12. Chi công tác kiểm tra, hỗ trợ kỹ thuật và hướng dẫn chuyên môn tại các tuyến của từng dự án, đề án thuộc Chương trình: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

13. Chi hỗ trợ cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản – kế hoạch hóa gia đình (sau đây viết tắt là KHHGD) trong các đợt khám lưu động, Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép cung cấp dịch vụ KHHGD - sức khỏe sinh sản tại các xã đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng có mức sinh cao và không ổn định, xã thuộc vùng biển, đảo và ven biển theo Quyết định số 52/2009/QĐ-TTg ngày 09/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển giai đoạn 2009-2020 (sau đây viết tắt là Đề án 52), bao gồm:

a) Chi khám thai và khám viêm nhiễm đường sinh dục theo quy trình chuyên môn của Bộ Y tế: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập (sau đây viết tắt là giá dịch vụ KB, CB hiện hành).

b) Chi công tác phí của cán bộ y tế, người tham gia phục vụ đoàn lưu động, chiến dịch theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC. Ngoài ra, được hỗ trợ thêm:

- Khi tham gia các đợt chiến dịch: Mức hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày.

- Khi tham gia các đợt khám lưu động:

- + Tại huyện đảo, xã đảo: Mức hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày. Tối đa 10 ngày/đợt. Trường hợp địa bàn huyện đảo, xã đảo giao thông đi lại thực sự khó khăn được thanh toán theo thực tế số ngày đi lưu động.

- + Tại xã ven biển, xã có trên 5.000 người lao động nhập cư làm việc tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu kinh tế, cảng biển, âu thuyền, cảng cá; xã đặc biệt khó khăn: Mức hỗ trợ 30.000 đồng/người/ngày. Tối đa 7 ngày/đợt.

c) Chi khám sức khỏe trẻ em thuộc Đề án 52 theo quy định về chuyên môn y tế: Mức chi theo giá dịch vụ KB, CB hiện hành.

14. Chi tham quan mô hình công tác DS-KHHGD tại các địa phương: Nội dung và mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

15. Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt Câu lạc bộ thực hiện tư vấn về: tiền hôn nhân; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình; kiểm tra sức khỏe, kiểm tra yếu tố nguy cơ cao ảnh hưởng trực tiếp đến sự mang thai, sự phát triển và chất lượng bào thai cho các cặp nam nữ chuẩn bị kết hôn; các yếu tố nguy cơ cao ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bình thường của bào thai do tác động của môi trường biển; phòng, chống bệnh lây truyền qua đường tình dục cho người từ 15 đến 24 tuổi chưa kết hôn, không đi học, chưa có việc làm hoặc có việc làm không ổn định; can thiệp đảm bảo sự phát triển bình thường của bào thai và sức khỏe cho người mang thai đang sinh sống và làm việc ở khu vực ngập mặn, đầm phá, cửa sông, cửa biển tại các xã ven biển có khu vực ngập mặn, đầm phá, cửa sông, cửa biển, các xã đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, an toàn khu. Nội dung và mức chi bao gồm:

a) Chi tài liệu phục vụ buổi tư vấn: Mức chi theo thực tế và phù hợp với nội dung tư vấn.

b) Chi nước uống các đối tượng tham gia buổi tư vấn: 10.000 đồng/người/buổi.

c) Chi thù lao người tham gia Câu lạc bộ thực hiện trực tiếp tư vấn cho đối tượng: Mức chi 10.000 đồng/ đối tượng tư vấn nhưng tối đa không quá 450.000 đồng/người/tháng.

16. Chi thực hiện chính sách triệt sản:

a) Chi bồi dưỡng người tự nguyện triệt sản: 300.000 đồng/người.

b) Hỗ trợ chi phí đi lại đối với người tự nguyện triệt sản đến trung tâm làm kỹ thuật triệt sản, cán bộ y tế xuống xã hoặc các cụm kỹ thuật làm phẫu thuật: Mức chi theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Thông tư này.

c) Chi thực hiện dịch vụ KHHGĐ và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế của người triệt sản: Mức chi theo giá dịch vụ KB, CB hiện hành.

d) Chi hỗ trợ cán bộ y tế cấp xã thực hiện chăm sóc người tự nguyện triệt sản tại nhà sau phẫu thuật: 50.000 đồng/ca triệt sản.

17. Chi thù lao cộng tác viên DS-KHHGĐ ở các thôn, xóm, ấp, bản, làng, tổ dân phố và cụm dân cư:

a) Số lượng cộng tác viên ở từng thôn, xóm, ấp, bản, làng, tổ dân phố và cụm dân cư (sau đây gọi tắt là thôn, bản) được xác định theo số hộ gia đình, cụ thể:

- Đối với thôn, bản thuộc xã đảo; xã thuộc huyện đảo; huyện đảo không có xã; xã ven biển có đầm phá, ngập mặn, âu thuyền, cảng cá, vạn chài, cửa sông, cửa biển thuộc Đề án 52; xã đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng có mức sinh cao và không ổn định: bố trí 01 cộng tác viên phụ trách từ 30 đến 50 hộ gia đình;

- Đối với thôn, bản của các xã còn lại thuộc Đề án 52: bố trí 01 cộng tác viên phụ trách từ 100 đến 150 hộ gia đình;

- Đối với thôn, bản thuộc các xã còn lại: Chi cục trưởng Chi cục DS-KHHGĐ quyết định việc bố trí 01 cộng tác viên phụ trách nhiều hơn 150 hộ gia đình phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

b) Mức chi thù lao: 100.000 đồng/người/tháng.

18. Chi hỗ trợ 01 cán bộ làm công tác DS-KHHGĐ cấp xã không phải là viên chức và không thuộc đối tượng được hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

a) Đối với xã đảo; xã thuộc huyện đảo; huyện đảo không có xã; xã ven biển có đầm phá, ngập mặn, âu thuyền, cảng cá, vạn chài, cửa sông, cửa biển thuộc Đề án 52: 400.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với xã còn lại thuộc Đề án 52; xã đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng có mức sinh cao và không ổn định: 300.000 đồng/người/tháng.

c) Đối với các xã còn lại: 200.000 đồng/người/tháng.

19. Chi quản lý Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

Điều 4. Nội dung và mức chi đặc thù của từng dự án

1. Dự án Bảo đảm hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

a) Cấp miễn phí phương tiện tránh thai (sau đây viết tắt là PTTT):

- Đối tượng được cấp miễn phí PTTT: Người thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo; người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số sống tại xã đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng có mức sinh cao và không ổn định; người làm việc trên biển trước khi đi biển dài ngày, khi cập bờ và vào các âu thuyền tại các xã ven biển có nhiều người làm việc trên biển.

- Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục PTTT cấp miễn phí.

- Cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ cung cấp PTTT miễn phí có trách nhiệm thống kê, ghi chép đầy đủ danh sách đối tượng theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

b) Thực hiện tiếp thị xã hội PTTT:

- Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục PTTT thực hiện tiếp thị xã hội.

- Việc tổ chức triển khai thực hiện và cơ chế quản lý tài chính hoạt động tiếp thị xã hội PTTT thực hiện theo các quy định hiện hành

c) Chi tiền công tiêm thuốc tránh thai: 2.000 đồng/mũi tiêm.

d) Chi thực hiện dịch vụ KHHGD, xử lý tai biến theo chuyên môn y tế của người được cấp miễn phí PTTT: Mức chi theo giá dịch vụ KB, CB hiện hành.

đ) Chi kiểm định chất lượng PTTT: Mức chi thực hiện theo mức phí kiểm định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành mức phí kiểm định, mức chi thực hiện theo kết quả đấu thầu kiểm định chất lượng PTTT.

e) Chi thù lao cán bộ làm công tác DS-KHHGD vận động và tư vấn:

- Người chấp nhận đặt dụng cụ tử cung lần đầu tại xã đặc biệt khó khăn, xã thuộc Đề án 52 và xã thuộc vùng có mức sinh cao và không ổn định: Mức hỗ trợ 10.000 đồng/trường hợp chấp nhận;

- Người chấp nhận triệt sản: Mức hỗ trợ 30.000 đồng/trường hợp chấp nhận.

Tối đa không quá 300.000 đồng/người/tháng.

g) Chi hỗ trợ công tác quản lý DS-KHHGD của Ban DS-KHHGD cấp xã: 1.200.000 đồng/xã/năm.

2. Dự án Tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.

a) Hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

- Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mặt bệnh, quy trình sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh.

- Tổng cục trưởng Tổng cục DS-KHHGD quyết định lựa chọn số lượng xã triển khai Dự án phù hợp với mục tiêu của Dự án và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh quyết định lựa chọn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện, khả năng để giao nhiệm vụ và ký hợp đồng thực hiện hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo cơ chế nhà nước đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/03/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan (sau đây gọi tắt là Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg).

- Đối tượng được hỗ trợ chi phí sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: Người thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo; người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số sống tại xã đặc biệt khó khăn; người dân tại các xã thuộc Đề án 52 (trừ các đối tượng được quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán).

- Nội dung và mức chi chung của hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

+ Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định: Mức chi theo giá dịch vụ KB, CB hiện hành.

+ Chi hỗ trợ công lấy mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh trong trường hợp sàng lọc, chẩn đoán sơ sinh: 5.000 đồng/trường hợp.

+ Chi thông báo kết quả sàng lọc của đối tượng (bao gồm cả kết quả âm tính hoặc dương tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành.

+ Chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến kỹ thuật và chi định của thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo thẩm quyền: Mức chi theo quy định tại khoản 5, Điều 3 Thông tư này.

+ Chi thù lao cán bộ y tế trực tiếp tư vấn trước và sau sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: 10.000 đồng/đối tượng được tư vấn.

+ Chi in ấn sổ sách ghi chép, theo dõi của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tham gia cung cấp dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh; thẻ theo dõi đối tượng phục vụ mục tiêu báo cáo của Chương trình.

b) Chi khám sức khỏe, xét nghiệm tiền hôn nhân theo chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định:

- Đối tượng được hỗ trợ: người thuộc hộ gia đình nghèo, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số sống tại xã đặc biệt khó khăn.

- Mức chi theo giá dịch vụ KB, CB hiện hành.

c) Chi tổ chức nói chuyện chuyên đề, tư vấn can thiệp giảm thiểu tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao chất lượng dân số các dân tộc ít người tại các xã đặc biệt khó khăn, các xã biên giới, an toàn khu; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 15, Điều 3 Thông tư này.

3. Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

a) Chi hội nghị sơ kết, tổng kết, tập huấn triển khai nhiệm vụ, công tác Chương trình DS-KHHGĐ; hội thảo trao đổi chuyên môn; mít tinh, diễu hành nhân ngày dân số Việt Nam, ngày dân số thế giới: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

b) Chi hoạt động truyền thông về DS-KHHGĐ:

Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, chương trình truyền thông đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên công tác truyền thông qua đài phát thanh huyện, xã, phường trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Nội dung và mức chi:

- Chi sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí) thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg.

- Chi mua, nhân bản và phát hành các ấn phẩm truyền thông.

- Làm mới, sửa chữa pa nô, áp phích, khẩu hiệu: Mức chi theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp.

- Chi hỗ trợ các hoạt động truyền thông tại huyện, xã, phường: Biên tập tài liệu phát thanh: 75.000 đồng/trang 350 từ; bồi dưỡng phát thanh: 15.000 đồng/lần, trường hợp phát thanh bằng tiếng dân tộc: 20.000 đồng/lần.

- Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền trong các Chiến dịch tăng cường tuyên truyền, vận động lồng ghép cung cấp dịch vụ KHHGĐ/sức khỏe sinh sản đến các xã đặc biệt khó khăn; các xã thuộc Đề án 52 và xã thuộc vùng có mức sinh cao và không ổn định. Giám đốc Sở Y tế quyết định lựa chọn số lượng xã để triển khai Chiến dịch hàng năm trên cơ sở đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục DS-KHHGĐ trong phạm vi dự toán ngân sách được giao. Nội dung và mức chi bao gồm:

+ Chi các hoạt động thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí) tại địa phương trước và trong thời gian thực hiện Chiến dịch theo quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg.

+ Chi phí trang trí, ảnh tư liệu và các hoạt động khác: Mức chi theo thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

+ Chi thuê phiên dịch tiếng dân tộc (trong trường hợp cần thiết): Mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC.

+ Chi thuê biên tập và phát thanh tại đài phát thanh xã: Biên tập: 75.000 đồng/trang 350 từ; chi bồi dưỡng phát thanh: 100.000 đồng/ngày.

- Chi tổ chức các buổi giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, nói chuyện chuyên đề về DS-KHHGĐ: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

- Chi tổ chức các cuộc thi về kiến thức và kỹ năng tuyên truyền chính sách DS-KHHGĐ, bao gồm:

+ Chi đăng báo và thông tin trên các phương tiện truyền thông để phát động và thông báo thể lệ cuộc thi: Mức chi theo chứng từ chi tiêu hợp pháp thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Biên soạn đề thi và đáp án (nếu có), quy chế cuộc thi: Mức chi tối đa 500.000 đồng/bộ đề thi hoặc quy chế cuộc thi.

+ Bồi dưỡng chấm thi, Ban giám khảo cuộc thi, xét công bố kết quả thi: Mức chi tối đa 300.000 đồng/người/ngày.

+ Bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức, Ban thư ký: Mức chi tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

+ Chi giải thưởng: Giải tập thể từ 500.000 đồng đến 4.000.000 đồng/giải thưởng; giải cá nhân từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng/giải thưởng.

Căn cứ dự toán ngân sách được giao, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức cuộc thi quyết định mức chi giải thưởng cụ thể tùy theo quy mô tổ chức cuộc thi (cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp cơ sở) trong khung mức chi nêu trên.

+ Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức cuộc thi được sử dụng kinh phí của Chương trình để hỗ trợ chi phí đi lại, tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho người dự thi ở xa nơi tổ chức. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

+ Các khoản chi khác phục vụ cuộc thi (nếu có) như: thuê hội trường, địa điểm; âm thanh, ánh sáng, đạo cụ, trang trí; bồi dưỡng cho người phục vụ, người dẫn chương trình (MC); văn phòng phẩm; xăng xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển: Mức chi căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền duyệt, hợp đồng, hoá đơn và các chứng từ chi tiêu hợp pháp. Trường hợp chưa có quy định mức chi, thủ trưởng cơ quan tổ chức cuộc thi quyết định mức chi trong phạm vi dự toán được giao.

c) Chi hỗ trợ các hoạt động phúc lợi của các xã có thành tích xuất sắc trong công tác DS-KHHGĐ để lồng ghép các hoạt động văn hoá - giáo dục - thể thao với DS-KHHGĐ: Mức chi tối đa 4.000.000 đồng/xã/năm. Số lượng xã được hỗ trợ hàng năm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

d) Chi cập nhật thông tin mới về DS-KHHGD của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về DS-KHHGD của cộng tác viên: Mức chi 1.500 đồng/hộ gia đình.

đ) Chi thực hiện chính sách khuyến khích đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác DS-KHHGD theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn.

e) Chi công tác giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 12, Điều 3 Thông tư này.

Riêng đối với đoàn công tác giám sát, đánh giá liên ngành, liên cơ quan: cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi phí cho chuyên công tác theo chế độ quy định (tiền tàu xe đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở nơi đến và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc) cho các thành viên trong đoàn. Để tránh chi trùng lặp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, triệu tập) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác không phải thanh toán các khoản chi này.

4. Đề án Kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển.

a) Chi nâng cao chất lượng dân số khi sinh tại các vùng biển, đảo và ven biển:

- Chi kiểm tra sức khỏe, kiểm tra yếu tố nguy cơ cao, xét nghiệm kiểm tra yếu tố Rh (Rhesus), vi rút viêm gan B và các yếu tố khác ảnh hưởng trực tiếp đến sự mang thai, sự phát triển và chất lượng bào thai cho những cặp nam nữ chuẩn bị kết hôn thuộc hộ gia đình nghèo, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số có nguy cơ sinh con dị tật cao.

- Chi khám, kiểm tra sức khỏe cho các bà mẹ đang mang thai có nguy cơ cao theo quy trình chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bình thường của bào thai do tác động của môi trường biển thuộc mô hình thí điểm can thiệp bảo đảm sự phát triển bình thường bào thai và sức khỏe cho người mang thai đang sinh sống và làm việc ở khu vực ngập mặn, đầm phá, cửa sông, cửa biển tại các xã ven biển.

b) Chi khám, kiểm tra sức khỏe phòng chống bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, phòng ngừa mang thai ngoài ý muốn, phá thai an toàn cho người từ 15 đến 24 tuổi chưa kết hôn, không đi học, chưa có việc làm hoặc có việc làm không ổn định tại các xã ven biển, xã có khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu kinh tế, âu thuyền, cảng cá, vịnh chài, cửa sông, cửa biển.

c) Mức chi của điểm a và b khoản này theo giá dịch vụ KB, CB hiện hành.

d) Chi kiểm tra, giám sát các hoạt động của Đề án tại xã đảo, xã ven biển có đầm phá, ngập mặn, âu thuyền, cảng cá, vịnh chài, cửa sông, cửa biển: Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 12, Điều 3 thông tư này. Ngoài ra, được hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày thực tế đi kiểm tra, giám sát.

Điều 5. Lập, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán

1. Việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí Chương trình thực hiện theo quy định Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật và cơ chế quản lý và điều hành Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Tập trung ưu tiên phân bổ kinh phí cho các xã đặc biệt khó khăn; vùng biển, đảo; vùng có mức sinh cao và không ổn định; vùng có mức sinh thấp để duy trì mức sinh; vùng có tỷ số giới tính khi sinh cao.

3. Việc mua sắm hàng hóa, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp thực hiện theo đúng quy định của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư xây dựng, Luật Dược, các văn bản hướng dẫn Luật. Đối với hàng hoá, dịch vụ đặt hàng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg.

Thực hiện phân cấp cho các địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ truyền thông và mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động của Chương trình. Trường hợp đặc biệt, đối với tài sản, hàng hóa mà địa phương không có khả năng mua sắm hoặc cần mua sắm tập trung, Bộ Y tế trực tiếp thực hiện mua sắm và phân bổ bằng hiện vật cho các Bộ, ngành, địa phương. Thủ tục bàn giao hiện vật thực hiện theo quy định hiện hành.

Thực hiện giao dự toán trực tiếp cho cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động truyền thông trên cơ sở nhiệm vụ truyền thông, định mức kinh tế kỹ thuật và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành. Trường hợp cơ quan, đơn vị được giao dự toán để thực hiện hoạt động truyền thông nhưng cần sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị khác thực hiện hoạt động truyền thông thì được thực hiện đặt hàng theo quy định nhưng tối đa không quá 100.000.000 đồng/cơ quan, đơn vị/năm.

4. Các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo chế độ quy định. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán ký hợp đồng với các cơ quan, đơn vị khác thực hiện thì chứng từ làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan, đơn vị được giao dự toán, gồm: Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (kèm theo dự toán chi tiết được cơ quan chủ trì phê duyệt), biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, báo cáo quyết toán kinh phí của cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng ký kết, ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác. Các hoá đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do cơ quan trực tiếp thực hiện hợp đồng lưu giữ theo quy định hiện hành.

Cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã ký kết, trực tiếp sử dụng kinh phí theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; lập báo cáo quyết toán số kinh phí được cấp theo quy định gửi cơ quan, đơn vị ký hợp đồng (không tổng hợp vào báo cáo quyết toán của cơ quan, đơn vị mình nhưng phải mở sổ kế toán riêng để theo dõi).

5. Chế độ báo cáo:

a) Định kỳ hàng năm, các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo tình hình và

kết quả thực hiện Chương trình về cơ quan quản lý Chương trình (cả kinh phí và chỉ tiêu chuyên môn) để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

b) Định kỳ, hàng năm, Bộ Y tế có trách nhiệm gửi Bộ Tài chính báo cáo chi tiết tình hình thực hiện cấp miễn phí PTTT bao gồm các nội dung như sau:

- Báo cáo tình hình mua PTTT cấp miễn phí: số lượng và kinh phí.
- Báo cáo chi tiết tình hình PTTT được cấp miễn phí: số lượng PTTT đã cấp miễn phí, số tồn kho ở các cấp.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/4/2013. Các nội dung quy định tại Thông tư này được áp dụng từ niên độ ngân sách năm 2013.

2. Bãi bỏ Thông tư liên tịch của liên Bộ Tài chính, Bộ Y tế: số 32/2008/TTLT-BTC-BYT ngày 17/4/2008 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình giai đoạn 2006-2010 và số 233/2009/ TTLT-BTC-BYT ngày 09/12/2009 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển giai đoạn 2009-2020.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính, Bộ Y tế để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Viết Tiến

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ Khoa giáo văn xã, Công báo, Công TTĐT Chính phủ);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống tham nhũng;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính, Sở Y tế, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Bộ Y tế;
- Công TTĐT Bộ Tài chính, Bộ Y tế;
- Lưu VT: BTC, BYT (500 bản).